

Bản án số: 43/2021/HNGĐ-ST

Ngày 15-10-2021

V/v ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN HẢI AN, THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Bình

Các Hội thẩm nhân dân:

Bà Nguyễn Minh Hằng

Bà Phạm Thị Yên.

- Thư ký phiên tòa: Bà Vũ Thị Thu Trang - Thư ký Tòa án nhân dân quận Hải An, thành phố Hải Phòng.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân quận Hải An, thành phố Hải Phòng tham gia phiên tòa: Bà Trần Thị Thu - Kiểm sát viên.

Ngày 15 tháng 10 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân quận Hải An, thành phố Hải Phòng xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 77/2021/TLST-HNGĐ ngày 04 tháng 8 năm 2021 về tranh chấp Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 50/2021/QĐXXST-HNGĐ ngày 30 tháng 8 năm 2021 và Quyết định hoãn phiên tòa số 32/2021/QĐST-HNGĐ ngày 20 tháng 9 năm 2021 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Chị Bùi Thị Thanh H; nơi đăng ký thường trú: Số 6/137 phố T, phường C, quận N, thành phố Hải Phòng; nơi ở hiện nay: Số 1/21/16/29/139 N, phường Đ, quận H, thành phố Hải Phòng. Có mặt.

- *Bị đơn:* Anh Nguyễn Nam D; nơi đăng ký thường trú: Số 8/29 phố H, phường H, quận H, thành phố Hải Phòng; nơi ở hiện nay: Số 1/21/16/29/139 N, phường Đ, quận H, thành phố Hải Phòng. Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện đề ngày 02 tháng 8 năm 2021 và trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa sơ thẩm, nguyên đơn là chị Bùi Thị Thanh H trình bày:

Chị và anh Nguyễn Nam D kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký tại Ủy ban nhân dân phường H, quận H, thành phố Hải Phòng vào năm 2011. Quá trình chung sống, thời gian đầu vợ chồng hòa thuận, hạnh phúc; đến năm 2015 thì phát sinh mâu

thuần do có nhiều bất đồng về tính cách và quan điểm sống. Mâu thuẫn của vợ chồng chị đã được hai bên gia đình khuyên nhủ, hòa giải nhiều lần nhưng không có kết quả. Mặc dù hiện tại anh chị vẫn sống cùng nhà, nhưng ăn riêng và không còn quan tâm đến nhau về mọi mặt. Nay nhận thấy tình cảm vợ chồng thực sự không còn, cuộc sống chung không có hạnh phúc nên chị đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh Nguyễn Nam D.

Về con chung: Giữa chị và anh D có một con chung là Nguyễn Lam P, sinh ngày 18 tháng 02 năm 2012. Trường hợp vợ chồng ly hôn, chị đề nghị Tòa án giao cháu P cho chị trực tiếp nuôi dưỡng. Chị đề nghị anh D cấp dưỡng nuôi con với số tiền là 3.000.000 đồng/tháng.

Về tài sản chung: Chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Quá trình giải quyết vụ án, anh Nguyễn Nam D đã được Tòa án triệu tập họp lệ nhiều lần, nhưng không đều vắng mặt không có lý do và không có lời khai.

Theo Biên bản xác minh tại Tổ dân phố nơi chị Bùi Thị Thanh H và anh Nguyễn Nam D cư trú:

Chị Bùi Thị Thanh H và anh Nguyễn Nam D là vợ chồng hợp pháp. Trong quá trình sinh sống tại địa phương, vợ chồng không có mâu thuẫn gì lớn, không cãi vã to tiếng, còn nguyên nhân dẫn đến việc chị H xin ly hôn thì địa phương không nắm được. Giữa chị H và anh D có 01 con chung hiện đang sống cùng với anh chị; còn vợ chồng có tài sản chung không thì địa phương không nắm rõ.

Ý kiến của Kiểm sát viên tại phiên tòa:

Về tố tụng: Thẩm phán, Hội đồng xét xử và Thư ký phiên tòa đã tuân thủ đúng quy định của pháp luật từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm nghị án. Nguyên đơn đã thực hiện đúng quyền, nghĩa vụ theo quy định của pháp luật; bị đơn không thực hiện đúng nghĩa vụ của người tham gia tố tụng theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự, không có mặt theo giấy triệu tập của Tòa án trong suốt quá trình giải quyết vụ án.

Về quan hệ hôn nhân: Chị Bùi Thị Thanh H và anh Nguyễn Nam D kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký tại Ủy ban nhân dân phường H, quận H, thành phố Hải Phòng là hôn nhân hợp pháp. Quá trình chung sống, do phát sinh mâu thuẫn nên vợ chồng không còn quan tâm đến nhau, thể hiện hôn nhân đã lâm vào tình trạng trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được. Vì vậy, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Bùi Thị Thanh H, xử cho chị Bùi Thị Thanh H được ly hôn với anh Nguyễn Nam D.

Về con chung: Giao con chung Nguyễn Lam P, sinh ngày 18 tháng 02 năm 2012 cho chị Bùi Thị Thanh H trực tiếp nuôi dưỡng. Anh Nguyễn Nam D có trách nhiệm cấp dưỡng nuôi con với số tiền là 3.000.000 đồng/tháng.

Về tài sản chung: Chị Bùi Thị Thanh H không yêu cầu Tòa án giải quyết nên đề nghị Hội đồng xét xử không xét.

Về án phí: Chị Bùi Thị Thanh H phải nộp án phí dân sự sơ thẩm về ly hôn theo quy định của pháp luật. Anh Nguyễn Nam D phải nộp án phí dân sự sơ thẩm về cấp dưỡng theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng: Đây là vụ án ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án theo quy định tại khoản 1 Điều 28 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Tại thời điểm Tòa án thụ lý, giải quyết vụ án, bị đơn là anh Nguyễn Nam D đang cư trú tại số 1/21/16/29/139 N, phường Đ, quận H, thành phố Hải Phòng. Vì vậy, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân quận Hải An theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Bị đơn là anh Nguyễn Nam D đã được Tòa án triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai mà vẫn vắng mặt tại phiên tòa không vì sự kiện bất khả kháng hoặc trở ngại khách quan. Vì vậy, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn theo quy định tại khoản 2 Điều 227 và khoản 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[3] Về quan hệ hôn nhân: Chị Bùi Thị Thanh H và anh Nguyễn Nam D kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký tại Ủy ban nhân dân phường H, quận H, thành phố Hải Phòng vào ngày 18 tháng 7 năm 2011 (Số: 33/2011, Quyền số: 01/2011) là hôn nhân hợp pháp. Quá trình chung sống, do bất đồng về tính cách và quan điểm sống nên giữa vợ chồng phát sinh mâu thuẫn, không còn quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ nhau, cùng nhau chia sẻ công việc trong gia đình; vi phạm nghĩa vụ của vợ chồng quy định tại khoản 1 Điều 19 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014, làm cho hôn nhân lâm vào tình trạng trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được. Quá trình giải quyết vụ án, mặc dù đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng anh D đều vắng mặt không có lý do, thể hiện anh D không có thiện chí hàn gắn tình cảm vợ chồng với chị Hòa. Vì vậy, yêu cầu khởi kiện của chị Bùi Thị Thanh H xin được ly hôn với anh Nguyễn Nam D là có căn cứ, phù hợp với quy định của pháp luật nên được chấp nhận.

[4] Về con chung: Chị Bùi Thị Thanh H và anh Nguyễn Nam D có một con chung là Nguyễn Lam P, sinh ngày 18 tháng 02 năm 2012. Xét, cháu P là con gái và đang trong độ tuổi trưởng thành, cần sự quan tâm, chăm sóc, dạy dỗ của mẹ nhiều hơn; chị H làm Công chức Văn phòng nên cũng có đủ điều kiện trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con; hơn nữa cháu P lại có nguyện vọng sống cùng với mẹ trong trường hợp bố mẹ ly hôn. Vì vậy, yêu cầu của chị Bùi Thị Thanh H về việc giao cháu P cho chị H trực tiếp nuôi dưỡng là có căn cứ, được chấp nhận.

[5] Về cấp dưỡng nuôi con: Chị Bùi Thị Thanh H yêu cầu anh Nguyễn Nam dưỡng nuôi con với số tiền là 3.000.000 đồng/tháng. Xét, việc cấp dưỡng nuôi con là trách nhiệm của người không trực tiếp nuôi con nên cần buộc anh D phải thực hiện nghĩa vụ này theo quy định tại khoản 2 Điều 82 của Luật Hôn nhân và gia đình. Tại phiên tòa, chị H khai anh D hiện làm lao động tự do, nhưng vì vợ chồng không còn quan tâm đến cuộc sống và công việc của nhau nên chị không rõ mức thu nhập bình quân hàng tháng của anh D là bao nhiêu. Tuy nhiên, xét tính chất công việc của anh D là lao động tự do, thu nhập sẽ không ổn định nên mức cấp dưỡng với số tiền 3.000.000 đồng/tháng mà chị H đưa ra chưa thật sự phù hợp. Vì vậy, Hội đồng xét xử chỉ chấp nhận mức cấp dưỡng nuôi con với số tiền 2.000.000 đồng/tháng.

[6] Về tài sản chung: Chị H không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xét. Các đương sự có quyền khởi kiện bằng vụ án khác theo quy định của pháp luật.

[7] Về án phí: Chị Bùi Thị Thanh H phải nộp án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các điều 28, 35, 39, 147, 227, 228, 233, 235 và 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Các điều 19, 56, 81, 82 và 83 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014;

Điểm a khoản 5 và điểm a khoản 6 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án,

Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Cho chị Bùi Thị Thanh H ly hôn anh Nguyễn Nam D.

2. Về con chung:

2.1. Giao con chung Nguyễn Lam P, sinh ngày 18 tháng 02 năm 2012 cho chị Bùi Thị Thanh H trực tiếp nuôi dưỡng đến khi con thành niên (đủ 18 tuổi) hoặc có sự thay đổi khác theo quy định của pháp luật.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

2.2. Về cấp dưỡng nuôi con: Anh Nguyễn Nam D có trách nhiệm đóng góp nuôi con cho chị Bùi Thị Thanh H với số tiền là 2.000.000 đồng/tháng/con (hai triệu đồng một tháng) kể từ tháng 10/2021 cho đến khi cháu Nguyễn Lam P thành niên (đủ 18 tuổi) hoặc có sự thay đổi khác theo quy định của pháp luật.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành cho đến khi thi hành án xong, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

3. Về tài sản chung: Các đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xét. Các đương sự có quyền khởi kiện bằng vụ án khác theo quy định của pháp luật.

4. Về án phí: Chị Bùi Thị Thanh H phải nộp 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm về ly hôn. Chị Bùi Thị Thanh H đã nộp 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) - tiền tạm ứng án phí theo biên lai số 0018143 ngày 04 tháng 8 năm 2021 tại Chi cục Thi hành án dân sự quận Hải An, thành phố Hải Phòng. Chị Bùi Thị Thanh H đã nộp đủ án phí dân sự sơ thẩm.

Anh Nguyễn Nam D phải nộp 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm về cấp dưỡng.

5. Về quyền kháng cáo:

- Nguyên đơn có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.
- Bị đơn có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND quận Hải An;
- Chi cục THADS quận Hải An;
- UBND phường Hoàng Văn Thụ, quận Hồng Bàng, thành phố Hải Phòng;
- Lưu: Hồ sơ vụ án, HCTP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thị Bình

